TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HSST
Ngày: 18/11/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T- TỈNH KON TUM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Huy;

- Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Thảo và bà Y Hy;

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Phạm Chí Dũng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện T;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2020 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện T, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 03/2020/TLST-HS ngày 07/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST/HS ngày 04/11/2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Đình B (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 12/07/1994 tại Thanh Hóa.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Mường; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình H (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1948; bị cáo là con út trong gia đình có 07 anh chị em; bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/7/2020 đến ngày 17/7/2020, tạm giam từ ngày 17/7/2020 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Kon Tum; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Anh A N, sinh năm 1986; trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Y K, sinh năm 1983; trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

2. Bà Y Ô, sinh năm 1959; trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Y P, sinh năm 1958; trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1989; trú tại: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ sáng ngày 25/01/2020, A N ngồi uống rượu cùng với vợ là Y K (Sinh năm 1983), Nguyễn Đình T và Nguyễn Đình B tại nhà của A N thuộc thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum. Đến 15 giờ cùng ngày, trong lúc ngồi uống rượu và đàn hát thì giữa Nguyễn Đình B và A N xảy ra tranh cãi về chuyện uống rượu. Lúc này, Nguyễn Đình B lấy một con dao *(có lưỡi bằng kim loại, dài 15cm, sắt nhọn; cán dao làm bằng tre, dài 27cm; phần tiếp giáp giữa lưỡi dao và cán dao có bọc kim loại dài 4cm, lưỡi dao dẹp, phần rộng nhất của lưỡi dao rộng 2,3cm)* của nhà A N, đã để sẵn trên chiếu từ trước dùng để dã ớt và đứng dậy, A N thấy vậy, cũng đứng dậy đối diện với Bảy (cách nhau khoảng 2 bước chân). Nguyễn Đình B cầm dao bằng tay phải lao đến đâm một phát hướng về phía trước hơi chếch lên trúng vào vùng bụng của A N, làm cho A N bị thương vết thương thấu gan trái dài 2,5cm. Lúc này tay phải của A N ôm bụng, tay trái đẩy anh Bảy ra xa, đồng thời bỏ chạy ra ngoài nhưng chưa kịp ra khỏi nhà bếp thì ngã gục ngã ngay tại cửa. Nguyễn Đình B sau khi đâm A N xong thì chạy ra khỏi nhà vứt con dao ở ngoài vườn đi lên phía trên đường, sau đó bị Công an xã Đ, huyện T mời lên làm việc. Còn A N được người nhà đưa vào trạm y tế xã Đ để cấp cứu, sau đó chuyển tới bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum chữa trị, đến ngày 09/3/2020 thì ra viện. Trong quá trình xảy ra sự việc anh Nguyễn Đình T và bà Y Plép (hàng xóm của A N) là người chứng kiến sự việc trên. Còn đối với Y K lúc đó đã say và nằm ngủ.

Tại Bản kết luận giám định pháp y thương tích số 21/TgT-TTPY ngày 09/3/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Kon Tum kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của A N là 35%.

Tại Bản Cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 07/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình B về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự với 02 tình tiết định khung là *"dùng hung khí nguy hiểm"* và *"có tính chất côn đồ"* quy định tại các

điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như nội dung Bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình B phạm tội "*Cố ý gây thương tích*"; ap dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Đình B từ 06 đến 07 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/7/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc bồi thường thiệt hại.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho gia đình anh A N 01 con dao có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng đề ngày 12/10/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kon Tum.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, điều tra viên; Viện kiểm sát và kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Tại phiên tòa, người làm chứng là anh Nguyễn Đình T vắng mặt không có lý do nhưng đã có lời khai trong hồ sơ. Xét thấy, việc vắng mặt của anh Tùng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Tùng.

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đình B đã khai rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, những người làm chứng cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: vào khoảng 15 giờ ngày 25/01/2020, tại nhà anh A N, thuộc thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum, trong lúc ngồi uống rượu thì giữa Nguyễn Đình B và A N xảy ra mâu thuẫn. Nguyễn Đình B đã cầm một con dao*(có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/10/2020 giữa Cơ quan điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T)* bằng tay phải đâm một phát vào vùng bụng của A N, làm cho A N bị thương, vết thương thấu gan trái dài 2,5cm, tỷ lệ thương tích của anh A N là 35%.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo và anh Ngự không có mâu thuẫn gì, chỉ vì tranh cãi trong lúc uống rượu với nhau mà bị cáo liền dùng dao nhọn, là hung khí nguy hiểm thực hiện hành vi gây thương tích cho A N. Hành vi của bị cáo thể hiện tính côn đồ, hung hãn, xem thường tính mạng, sức khỏe của người khác nên bị cáo phải chịu 02 tình tiết định khung là "*Dùng hung khí nguy hiểm*" và "*Phạm tội có tính chất côn đồ*" được quy định tại điểm a, i khoản 1 điều 134 Bộ luật hình sự. Với 02 tình tiết định khung như trên và tỷ lệ thương tích 35% gây ra đối với anh Ngự, đã đủ căn cứ để chuyển khung truy tố, xét xử đối với bị cáo theo điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS. Vì vậy, Cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 07/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Nguyễn Đình B về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng, xâm phạm đến sức khỏe, tình mạng của người khác, gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nên cần phải tuyên phạt bị cáo một mức án nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả mà bị cáo gây ra là cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng bị cáo không phải chịu tình tiết nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường cho người bị hại A N số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) để khắc phục hậu quả nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

Bị cáo không có tình tiết tặng nặng, có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt nên hội

đồng xét xử xem xét khi lượng hình đối với bị cáo, xử mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ răn đe đối với bị cáo và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự*:*

Trước khi mở phiên tòa, người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo bồi thường tất cả các khoản là 20.000.000 đồng, bị cáo chấp nhận bồi thường số tiền trên. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên hội đồng xét xử ghi nhận. Bị cáo đã bồi thường trước 1.000.000 đồng, bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền 19.000.000 đồng. Tại phiên tòa, các đương sự không có ý kiến gì nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng của vụ án*:*

01 (một) con dao có lưỡi bằng kim loại, dài 15cm, sắt nhọn; cán dao làm bằng tre, dài 27cm; phần tiếp giáp giữa lưỡi dao và cán dao có bọc kim loại dài 4cm, lưỡi dao dẹp, phần rộng nhất của lưỡi dao rộng 2,3cm. Tại phiên tòa, anh A N và chị Y K yêu cầu được nhận lại con dao. Xét thấy, đây là tài sản hợp pháp của anh Ngự, chị Khai, việc trả lại không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án nên hội đồng xét xử trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Ngự và chị Khai.

[6] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Về án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo không phải chịu

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình B phạm tội "*Cố ý gây thương tích*".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình B 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (13/7/2020).

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 584, 585, 590 Bộ luật dân sự, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc bồi thường thiệt hại. Bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho anh A N, chị Y K và bà Y Ô số tiền 19.000.000 đồng.

Áp dụng điều 357 Bộ luật dân sự: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm

trả, tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm b, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho anh A N và chị Y K 01 con dao có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng đề ngày 12/10/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kon Tum.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 21; Điểm a, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Đình B phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo không phải chịu.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/11/2020).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Kon Tum
- Chi cục THADS huyện T;
- Những người TGTT;
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Huy